

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 08-5-2018.

V/v tranh chấp: “ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Văn Mùm.

Ông Nguyễn Xuân Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 685/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Kim Ng, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hồng C, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: A, xã B, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ng trình bày: Chị và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 09/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống chung gia đình anh C. Quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh C ham mê cờ bạc, rượu chè. Do chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh C vẫn không thay đổi nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 người con chung là cháu Lê Ngọc Th, sinh ngày 13/4/2013, đang theo sống với anh C, do chị không đủ điều kiện để nuôi con nên

sau khi ly hôn chị đồng ý giao anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Lời trình bày của anh C thể hiện trong hồ sơ: Nhận thấy thống nhất với lời khai của chị Ng về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh thừa nhận trước đây có ham mê cờ bạc gây nợ nần nhưng hiện nay đã sửa chữa, lo làm ăn để lo lắng, chăm sóc cho vợ con. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị Ng.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung là cháu Th, anh không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng đối với anh C.
- Về con chung: Giao con chung cháu Lê Ngọc Th, sinh ngày 13/4/2013 cho anh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Th số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Ng và anh C tự nguyện kết hôn với nhau năm 2012, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do trong thời gian sống chung anh C ham mê cờ bạc, chị Ng nhiều lần khuyên can nhưng anh C vẫn chưa từ bỏ, từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Ng và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị Ng yêu cầu ly hôn với anh C, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Lê Ngọc Th, sinh ngày 13/4/2013, đang theo sống với anh C, hơn nữa chị Ng và anh C đều có nguyện vọng để cháu tiếp tục theo sống với anh C. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao anh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Th là phù hợp với quy định tại Điều 81,

Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị Ng đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Th số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị Ng và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí: Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Phan Kim Ng đối với anh Lê Hồng C. Cho ly hôn giữa chị Phan Kim Ng và anh Lê Hồng C.

2. Về con chung:

- Giao con chung: Cháu Lê Ngọc Th, sinh ngày 13/4/2013 cho anh C có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

- Ghi nhận chị Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Th số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi;

- Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Ng đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009460 ngày 25/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị Ng phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị Ng được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND H. Trảng Bàng;*
- *Chi cục THADS H. Trảng Bàng;*
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *UBND xã Gia Bình;*
- *Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Tài